

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày: 28 – 8 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phụng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.**

Địa chỉ: Đường D, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ cũ: Đường D, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Lam T**, chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường P, phường L, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng), (đại diện uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền số 447/2024/UQ-SVN ngày 01-02-2024 của Công ty Cổ phần S); (Vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp T, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2025 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Lam T đều trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng Y có cầm cố tài sản với Chi nhánh T – Công ty TNHH S (Sau đây viết tắt là: Công ty) theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 20 tháng 12 năm 2024. Tài sản cầm cố: 01 xe mô tô hai bánh BKS, nhãn hiệu Honda, loại xe VISION, màu trắng đen, biển số xe 83X1-071.27, số khung RLHIK0312MY500316, số máy JK03E2406996, giấy chứng nhận đăng ký số 000964 do Công an huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Số tiền cầm cố: 16.648.936 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 20 tháng 12 năm 2024 đến ngày 20 tháng 12 năm 2025) với mức lãi suất 1.1%/tháng.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 20 tháng 12 năm 2024 bà Y đã có đơn gửi Công ty xin mượn lại chiếc xe từ ngày 20 tháng 12 năm 2024 đến ngày 20 tháng 01 năm 2025; hai bên có lập văn bản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y chưa thanh toán đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, mặc dù Công ty nhiều lần nhắc nhở.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y: Phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô biển số 83X1-071.27 như đã nêu trên; Nếu bà Y không trả lại chiếc xe theo giấy mượn xe thì buộc bà Y phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 14 tháng 02 năm 2025 là 20.017.256 đồng, trong đó: Tiền gốc là 16.648.936 đồng; lãi 366.277 đồng; phí mượn xe: 1.798.085 đồng; phí quản lý hồ sơ: 166.489 đồng; Phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 51.197 đồng; Phí thanh lý trước hạn: 986.272 đồng; Bà Y còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19 tháng 8 năm 2025, ông Nguyễn Lam T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y có nghĩa vụ trả tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28 tháng 8 năm 2025 tổng cộng là 17.979.741 đồng (Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng), trong đó gồm nợ gốc 16.648.936 đồng; lãi trong hạn 1.330.805 đồng (1.1%/tháng), tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 28 tháng 8 năm 2025; tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ; ông Nguyễn Lam T rút lại các yêu cầu khởi kiện gồm phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh lý hợp đồng trước hạn.

2. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y:

Bà Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời

khai nhưng bà Y đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của bà Y đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng không lấy lời khai của bà Y được.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung thì cho rằng ông Nguyễn Lam T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 tổng cộng là 17.979.741 đồng là có căn cứ; do ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh lý hợp đồng trước hạn là trong phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng Y trả lại tiền vay; bị đơn bà Y có nơi cư trú là ấp T, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ); nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Lam T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Hồng Y là bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y trả nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2024 là 20.017.256 đồng,

sau khi Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông Nguyễn Lam T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn gửi Toà án Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 19 tháng 8 năm 2025, nội dung đơn là ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh lý hợp đồng trước hạn và xử lý tài sản cầm cố. Do việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút gồm: Buộc bà Nguyễn Hồng Y phải trả phí mượn xe: 1.798.085 đồng (5.4%/tháng), phí quản lý hồ sơ: 166.489 đồng (0.5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 51.197 đồng, phí thanh lý trước hạn: 986.272 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ vay:

Bà Nguyễn Thị Hồng Y không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Toà án cũng không lấy lời khai được.

Nay ông T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 tổng cộng là 17.979.741 đồng (Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc 16.648.936 đồng; Lãi trong hạn 1.330.805 đồng (1.1%/tháng), tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 28 tháng 8 năm 2025; tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ, yêu cầu này được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Theo Hợp đồng cầm cố ngày 20 tháng 12 năm 2024 ghi nhận nội dung:

- Bên nhận cầm cố: Chi nhánh Sóc Trăng – Tp. Sóc Trăng 1 – Công ty Cổ phần S, địa chỉ: 47, Đường Lê Hồng Phong, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bên cầm cố: Nguyễn Thị Hồng Y, ngày sinh 07 tháng 11 năm 2000, địa chỉ: Ấp T, Ngọc Đông, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng.

- Tài sản cầm cố: Chiếc xe máy biển kiểm soát: 83X1-071.27, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số: 000964, cấp ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại Công an huyện Mỹ Xuyên.

- Cho cầm cố số tiền là: 16,648,936.17 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2024 đến ngày 20 tháng 12 năm 2025; phương thức nhận tiền: Chuyển khoản một lần qua số tài khoản Ngân hàng: 108879826722, tên chủ tài khoản: Nguyễn Thị Hồng Y, tại Ngân hàng: Vietinbank chi nhánh Sóc Trăng; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất trong hạn: Lãi suất cố định 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; thời hạn thanh toán, là định kỳ vào ngày 20 hàng tháng (từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025) gồm gốc, lãi và phí với số tiền là 1,535,898.60 đồng.

- Thoả thuận lãi suất quá hạn và các khoản phí.

Theo nguyên đơn trình bày thì bà Y chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn, nay còn nợ 17.979.741 đồng cùng tiền lãi (1.1%/tháng), tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 và các khoản phí khác, sau đó không thanh toán theo hợp đồng ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Y trả tiền còn nợ.

Việc giao kết hợp đồng do các bên tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu vay vốn phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh của bà Y và nhu cầu cho vay của nguyên đơn nên cần buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết. Theo hợp đồng có thỏa thuận thời hạn trả, nhưng bà Y không trả đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất trong hạn tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 với số tiền 1.330.805 đồng (1.1%/tháng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y phải trả cho nguyên đơn số tiền vay tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 tổng cộng 17.979.741 đồng (Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng), trong đó gồm nợ gốc 16.648.936 đồng và lãi trong hạn 1.330.805 đồng (1.1%/tháng), tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến nay là có cơ sở chấp nhận.

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Y còn phải chịu tiền lãi đối với tiền vốn cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1] Do nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5.2] Bà Nguyễn Thị Hồng Y có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên bà Y phải chịu án phí sơ thẩm như sau: $17.979.741 \text{ đồng} \times 5\% = 898.987 \text{ đồng}$ (Tám trăm chín mươi tám nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y trả tiền vay.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y trả nợ cho Công ty Cổ phần S, số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 8 năm 2025) tổng cộng là 17.979.741 đồng (Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 16.648.936 đồng.

- Lãi trong hạn 1.330.805 đồng (tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 28 tháng 8 năm 2025).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 29 tháng 8 năm 2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Hồng Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y phải trả phí mượn xe: 1.798.085 đồng (5.4%/tháng), phí quản lý hồ sơ: 166.489 đồng (0.5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 51.197 đồng, phí thanh lý trước hạn: 986.272 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị Hồng Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 898.987 đồng (Tám trăm chín mươi tám nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

4.2. Trả lại cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 501.000 đồng (Năm trăm lẻ một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008422 ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh